# Chi tiết mã HS 3918.90

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 3918.90 |
| **Mô tả hàng hóa** | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 01/11/2026 03:39:44 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://vietnamtariff.com/hs-code/391890/ |

## 11 dòng thuế thuộc 3918.90

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 3918.90.11 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Dạng tấm rời để ghép, bằng polyetylen | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.13 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Loại khác, bằng polyetylen | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.14 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.15 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Từ các polyme trùng hợp khác; từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp; từ nitrat xenlulo, acetat xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.16 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Từ sợi lưu hóa | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 3918.90.19 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Tấm trải sàn: / - - - Loại khác | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.91 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Loại khác: / - - - Từ polyetylen | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.92 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Loại khác: / - - - Từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.93 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Loại khác: / - - - Từ các polyme trùng hợp khác; từ các polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp; từ nitrat xenlulo, acetat xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.94 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Loại khác: / - - - Từ sợi lưu hóa | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 3918.90.99 | Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã nêu trong Chú giải 9 của Chương này / - Từ plastic khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác | kg/m2/chiếc | 40,5% | 27% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.